

Đề tìm lại nguyên tác truyện Kiều

Nguyễn Quang Tuân

Trung tâm Nghiên cứu Quốc học Huế

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm

Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004

Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Cho đến nay, trong số các bản *Truyện Kiều Nôm* đã sưu tầm được thì có ba bản đáng kể là cổ nhất:

- *Kim Vân Kiều tân truyện* ⁽¹⁾ – Liễu Văn đường tàng văn – Tự Đức thập cửu niên trọng xuân tân san (1886)
- *Đoạn trường tân thanh* ⁽⁹⁾ – Tự Đức Canh ngọ (1870) – Tiểu Tô Lâm – Nọa Phu (Nguyễn Hữu Lập) sao chép.
- *Kim Vân Kiều tân truyện* ⁽³⁾ – Liễu Văn đường tàng văn – Tự Đức nhị thập tứ niên trọng xuân tân san (1871).

Với ba bản Nôm cổ ấy, chúng ta có thể dùng làm tư liệu để đối chiếu với các bản quốc ngữ đã được phổ biến rộng rãi mong sao tìm lại được nguyên tác của Nguyễn Du.

Điều này phải nói là rất khó khăn và phức tạp.

Chúng tôi xin lần lượt đi từ bản quốc ngữ đầu tiên của Trương Vĩnh Ký in lần thứ nhất ở Sài Gòn năm 1875. Bản này tuy là *bản quốc ngữ cổ nhất* nhưng rất tiếc lại có khá nhiều sai lầm về phiên âm và chú thích cần phải hiệu đính lại theo bản nôm cổ. Chúng tôi chỉ xin đưa ra mấy thí dụ để chứng minh như sau:

* Câu 1310

Trương Vĩnh Ký đã phiên âm là:

Than hương nung bức trướng hồng rạch hoa.

Ông vì viết sai chính tả chữ “*thang*” là “*than*” nên đã chú giải câu ấy là:

Cô Kiều “bỏ than hương xông, ngòi mà thêu”.

Giảng như vậy thì sai hẳn vì câu thơ ấy Nguyễn Du tả cảnh cô Kiều rủ bức màn hồng để tắm bằng thứ nước thơm.

Trương Vĩnh Ký chắc đã phiên âm theo bản Duy Minh Thị khắc in năm 1872.

Abel des Michels ⁽⁴⁾ cũng đã theo bản Duy Minh Thị nên đã phiên âm là:

Than hương nung bức trướng hồng rạch hoa.

và đã dịch sang tiếng Pháp là:

“Kiều brûlait des parfums, ou bien prenant une étoffe rouge (avec son aiguille) elle y traçait des fleurs”.

Chúng ta thấy bản Liễu Văn đường (1866 và 1871) đều khắc đúng là:

湯蘭揜幅帳紅浸花

Thang lan rử bức trướng hồng tẩm hoa.

G.S Nguyễn Tài Căn trong quyển *Tư liệu Truyện Kiều – Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*⁽⁵⁾ đã ghi ở trang 228 – 229 như sau:

Thang... .. bức trướng hồng... hoa

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1310	2	huong	+		+				+		
		lan		+	+		+	+		+	+
	3	rử	/+ /	+	+		+	+		+	+
		nâng				+			+		
	7	sạch	+			+			+		
		tẩm // tẩm			+	+		+	+		+
D: Duy Minh Thị			70: Tiểu Tô Lâm – Nọa Phu (Bản kinh)								
71: Liễu Văn Đường – 1871			T: Trương Vĩnh Ký				84: Abel des Michels				

Ghi như vậy thì sai vì Trương Vĩnh Ký đâu có viết “thang” mà đã viết “**than**” và chính ông cũng đã giảng câu 1310 là:

“Bỏ *than* hương xông, ngồi mà *thêu*”

Trương Vĩnh Ký cũng ghi chữ “**rạch**” chứ không phải chữ “*sạch*”.

“**Rạch**” đây có nghĩa là vẽ để thêu khác với “sạch” có nghĩa là tẩm cho sạch.

G.S. Nguyễn Tài Căn làm khảo dị như vậy đã thiếu hẳn chính xác.

* **Câu 912.**

Bản Liễu Văn đường khắc là:

泊拋棊這顛霏岸霽

Bạc phau cầu giá, *chân dầm* ngàn mây.

Trương Vĩnh Ký chắc đã theo bản Duy Minh Thị (khắc chữ thứ 5 là 顛) nên đã phiên âm là:

Bạc phau cầu giá, *chân dầm* ngàn mây.

và đã chú thích là:

“Lội giá đập tuyết trắng phau phau. Đi xa xuôi”.

Phiên âm và giải thích như vậy là sai vì câu này tả cảnh cuối thu, sắp sang đông, trên mặt cầu có giá đóng trắng phau phau, trên ngọn *núi rừng* cao có mây kéo đến phủ đen rằm.

Abel des Mechels cũng đã theo Duy Minh Thị và Trương Vĩnh Ký nên đã dịch hai câu 911–912:

Nàng thì dậm khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá, *chơn dằm* ngàn mây.

là:

“La jeune fille au sein de régions inconnes et lointaines, va d’horizon, parcourant l’espace immense”

Dịch như vậy thì sai hẳn, nhất là khi Abel des Michels đã dịch *từng chữ một* câu 912 là: (D’un blanc éclatant (il y a) des ponts de glace; ses pieds se trempent dans **mille** nuages).

Ông còn hiểu nhầm chữ **ngàn** 岸 là một ngàn.

G.S Nguyễn Tài Cần trong quyển *Tư liệu Truyện Kiều – Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu* đã không ghi nhận điều sai lầm ấy.

Thực là một thiếu sót đáng tiếc trong việc khảo dị vì hai bản quốc ngữ Trương Vĩnh Ký và Abel des Michels đều viết là “**chân dằm**” chứ không phải là “**đen rằm**” và hai bản nôm Duy Minh Thị và Abel des Michels đều viết 真 (chân), 躡(chơn), chứ không phải 顛 (đen).

* Câu 2030

Bản Liễu Văn đường 1866 và 1871 khắc là:

啣猗店鞞躡鞞求霜

Các bản quốc ngữ hầu hết đều phiên âm là:

Tiếng gà *điểm cỏ*, dẫu dày cầu sương.

hoặc có bản chép là:

Tiếng gà *điểm nguyệt*, dẫu giày cầu sương.

nhưng Trương Vĩnh Ký đã phiên âm là:

Tiếng gà **đêm** cỏ, dẫu giày cầu sương.

và đã chú giải là:

“Chơn đạp tuyết đi thăm lặng ban **đêm**”.

Chúng tôi nhận thấy chữ 店 ở bản nôm có thể phiên âm là **đêm** hoặc là **điểm** nhưng ở câu này phải đọc là **điểm** mới đúng vì Nguyễn Du đã mượn ý ở câu thơ của Ôn Đình Quân đời Đường:

雞聲茅店月
人跡板橋霜

Kê thanh mao *điểm* nguyệt,
 Nhân tích bản kiều sương.
 (Gà đã gáy ở chỗ **điểm** cỏ dưới trăng,
 Gót chân người đã in vết trên mặt cầu có những hạt sương phủ).

Trương Vĩnh Ký vì không nhớ đến hai câu thơ Đường ấy nên đã phiên âm sai và dịch sai như vậy.

Abel des Michels đã theo Trương Vĩnh Ký và đã dịch *từng chữ một* là:

“Il y a des cris de coq – (dans) **la nuit** – herbue, il y a des traces de chaussures – sur le pont – baigné de rosée”.

và đã giải thích “đêm cỏ” là:

“*La nuit herbue* c’est la nuit pendant laquelle la jeune fille foule l’herbe en s’enfuyant”.

(*Đêm cỏ* là cái đêm mà người con gái đã dẫm lên cỏ để chạy trốn).

Vì hiểu sai như vậy nên Abel des Michels đã dịch sai là:

“Elle (Kiều) entendait le coq dans *l’ombre*. Sur le pont trempé de roséesa chaussure laissait une trace”.

Đúng ra câu thơ này phải hiểu là:

“Tiếng gà gáy ở dưới bóng trăng bên *điểm* cỏ, vết chân người đi đã thấy có dấu để lại trên mặt cầu có sương phủ”.

Và câu thơ còn tả thêm được tâm trạng của Thúy Kiều khi nghe tiếng gà gáy báo trời sáng và khi thấy vết chân người qua cầu thì sợ có kẻ đã đuổi theo mình.

G.S. Nguyễn Tài Căn trong quyển *Tư liệu Truyện Kiều – Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu* đã ghi ở trang 300 – 301 hai câu 2029 – 2030 như sau:

Mịt mù dặm cát... cây,
 Tiếng gà *điểm*... dấu giày cầu sương.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2029	5	đòi	+	+	+	+	+	+		+	+
		lòi							+		
2030	4	<i>điểm</i> cỏ	+	+	+		+	+	+	+	
		đêm nguyệt									+
		đêm cỏ				/+/ /					

Ghi như vậy thì có hai chữ sai:

- Câu 2029: Bản Trương Vĩnh Ký và bản Abel des Michels đều phiên chữ thứ 5 là **chồi** chứ không phải là lời.

- Câu 2030: Bản Trương Vĩnh Ký và bản Abel des Michels đều phiên âm chữ thứ 3 là **đêm** **cổ** chứ không phải là *điểm cỏ*.

Làm khảo dị nếu không cẩn thận thì sẽ gây ngộ nhận cho người đọc nhất là với bản quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký, bản quốc ngữ đầu tiên nay rất khó kiếm để kiểm chứng lại.

Một bản *Truyện Kiều* khác được phiên âm sang quốc ngữ sớm nhất ở Hà Nội năm 1897 là của Edmond Nordemann⁽⁶⁾: Bản *Kim Vân Kiều tân chuyện*.

Bản này cũng không ghi rõ đã phiên âm theo bản nôm nào nhưng không có những sai lầm như trong bản Trương Vĩnh Ký.

Thí dụ như câu 30, Trương Vĩnh Ký đã phiên âm là:

Vẹn nghề thi họa, đủ *nghe* ca ngâm

thì E. Nordemann đã phiên âm đúng là:

Pha nghề thi họa, đủ *mùi* ca ngâm

hoặc một vài ví dụ khác như sau:

C.77: TVK: Sấm sanh nếp *giấy* xe châu

E.N.: ... *tử*...

C.143: TVK: *Giai nhân* lần bước dặm xanh

E.N.: *Hài văn*...

C.1379: TVK: Công *xem* hai lẽ đề xong

E.N.: ... *tu*...

C.2051: TVK: *Hiền đồ* đường sá một mình

E.N.: *Chín e*...

C.2854: TVK: Tiếng Kiều đồng vọng *bông thêm* mơ màng

E.N.: ... *bông xiêm*...

Edmond Nordemann không biết đã căn cứ vào bản nôm nào và phiên âm câu 631 là:

Ghé lên ngòi tốt **sĩ** sàng

hoặc câu 8:

Phong tình **cổ** lục còn truyền sử xanh.

Về sau đến năm 1917, ở Sài Gòn, Phạm Kim Chi có cho in quyển *Kim Túy tình tứ*⁽⁷⁾ do ông đã phiên âm từ *bản Tiên Điền* – bản mà ông Nghè Mai còn giữ được và nói là chính gốc của Nguyễn Du.

Bản này dài hơn các bản Phường hai câu vì ở đoạn từ câu 531 đến câu 534.

Đem tin thúc phụ từ đường.

Bơ vơ lữ thán tha hương đề huề.

Liêu Dương cách trở sơn Khê.
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.

Đã chép thành 6 câu:

Mở xem thủ bút nghiêm đường,
Nhấn rằng: “*Thúc phụ xa đường mạng chung.*
Hãy còn ký táng Liêu Đông,
Cố hương khơi diển ngàn trùng sơn Khê.
Rày đưa linh sán về quê,
Thế nào con cũng phải về hộ tang”.

Bản này cũng có một số câu khác với bản nôm phương. Chúng tôi chỉ xin đưa ra một số thí dụ như sau:

- C.375: PKC: Quạt vàng khăn gấm một khi
LVD: *Sân tay bả quạt hoa qui*
- C.1353: PKC: Nhà cầu còn lại vườn thông
LVD: *Ở trên còn có nhà thung*
- C.1186: PKC: Ai ai cũng gớm mặt người vô lương
LVD: *Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương*
- C.1682: PKC: Đoạn đường ai có qua cầu mới hay
LVD: *Để ai lấp thắm quạt sần cho khuây*
- C.1705: PKC: Đành rằng nàng đã cứu nguyên
LVD: *Nước trôi hoa rụng đã yên*

Chúng ta nhận thấy có nhiều câu của bản Phạm Kim Chi lại giống với bản Kinh mà Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim đã ghi lại trong quyển *Truyện Thúy Kiều*.

Bản *Truyện Thúy Kiều* ấy do Vĩnh Hưng Long in ở Hà Nội năm 1925 (tái bản năm 1927 và 1934). Bản năm 1934 tuy đề là “*chữ lại rất kỹ và rất đúng với bản nôm cổ*” nhưng Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim lại không cho biết đã căn cứ vào bản nôm nào để người đọc có thể kiểm chứng lại.

Chúng tôi nhận thấy có một số chữ phiên âm đã không đúng như chữ “**giá**” trong câu 1092. Tất cả các bản nôm cổ sưu tầm được đến nay đều viết:

架茶靡也哈媵姘萌

Giá trà (đò) mi đã ngậm trắng nửa *mành* (vành)

Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim đã phiên âm là “đóa” thì sai và làm cho câu thơ khó hiểu vì đóa hoa trà mi bé như hoa hồng làm sao lại ngậm được vàng trắng. Phải là cái “*già trà mi*” tức là cái giàn gỗ cho cây trà mi leo nó mới che lấp được nửa vầng trăng, khi người ta ở dưới trông lên.

Hoặc chữ “*dôi dăng*” 推孕 trong câu 884:

Khi vào *dôi dăng*, khi ra vôi vàng

vì chữ khắc không chuẩn và in không rõ nét nên đã bị phiên âm sai là “*dôi đóa*” (堆孕)

Bản Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim là một bản hiệu khảo rất có giá trị. Khi được nhà Tân Việt tái bản ở Sài Gòn từ 1951 đến 1975 (từ lần in thứ 4 đến lần in thứ 9) thì đã bị sai nhiều do *lỗi ấn loát* như mấy thí dụ sau đây:

C.648: 睺數我價哪外翠羸

Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim đã phiên âm đúng là:

Giờ lâu ngã giá **vàng** ngoài bốn trăm

nhưng bản Tân Việt đã in sai là “*vàng* ngoài bốn trăm”

C.2162: 鴈紅填過姪時渚催

Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim đã phiên âm đúng là:

Má hồng **đền** quá nửa thì chưa thôi.

nhưng bản Tân Việt đã in sai là “*đến* quá nửa thì”

Sự sai lầm đó đã gây ngộ nhận cho một số nhà nghiên cứu *Truyện Kiều* kể cả Đào Duy Anh vì các vị ấy đã không xem lại bản nôm.

G.S. Nguyễn Tài Căn khi thấy cụ Đào Duy Anh ghi là “*đến*” thì lại cho là “*lỗi ấn loát*”. Sự thực đâu có phải vậy!

Đào Duy Anh trong quyển *Từ điển Truyện Kiều* ở mục từ ĐẾN đã ghi thuộc câu 2162 và ở mục từ NỬA THÌ đã dẫn câu:

“Má hồng *đến* quá nửa thì chưa thôi”.

Đào Duy Anh như vậy đã không coi lại bản nôm mà đã theo bản in của nhà Tân Việt.

Chúng tôi chỉ nêu ra một vài thí dụ về các trường hợp sai lầm trong các bản quốc ngữ để mọi người thấy được sự cần thiết *phải tra cứu lại các bản nôm* hầu có thể tìm lại cho đúng với nguyên tác của Nguyễn Du.

Nhưng việc *tìm lại nguyên tác* cũng rất khó khăn khi gặp những câu bị chép sai hẳn như thí dụ sau đây:

Bản nôm cổ 1871 chép lại hai câu 87 và 88 là:

Sống thì tình chẳng riêng ai,

Khéo thay thác xuống ra người tình không.

Chép như vậy thì chắc là không đúng với nguyên tác vì *sai vắn* nhưng may mắn nay đã tìm lại được bản nôm cổ 1866 chép là:

Sống làm vợ khắp người ta

Khéo thay thác xuống làm ma không chồng.

nên mới biết hai câu dưới này là nguyên tác, đúng với tất cả các bản nôm khác và các bản quốc sau này đã chép.

Một thí dụ khác nữa, câu 247, hai bản Liễu Văn đường 1866 và 1871 đều khắc là:

愁冬強刻強苔

thì phải phiên âm là:

Sầu *đông* càng *khắc* càng đầy

ý nói khối sầu khi đông lại thì càng khắc càng đầy lên.

Ý này cũng không khác gì ý nói trong câu:

Sầu *đong* càng *lắc* càng đầy

(bản Hồ Đắc Hàm)

hoặc câu

Sầu *đong* càng *gạt* càng đầy

(bản KOM – PKC)

mà Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã giải thích rằng:

“Phàm sự đong như ngô gạo, thời lắc cho nó vơi, mà đây thì càng lắc càng đầy, chỉ là nói cái sầu không thể át đi được”.

Chúng ta nhận thấy câu “Sầu *đong* càng *lắc* càng đầy” có thể đã được sửa lại theo ý câu ca dao:

Ai di muôn dặm non sông,

Để ai chắt chứa *sầu đong* vơi đầy.

nhưng vì nó rất gợi hình nên đã trở thành quen thuộc với mọi người.

Ngày nay nếu muốn theo bản nôm cổ mà chép theo nguyên tác của Nguyễn Du thì cũng khó sửa lại được thói quen.

Chúng tôi lại có nhận xét thêm rằng các bản nôm cổ so với các bản quốc ngữ đã được phổ biến cũng không có gì sai biệt mấy.

Nếu giữa các bản và quốc ngữ có khác nhau thì cũng chỉ khác một hai chữ trong một câu nên nó không hề làm mất đi “*chân diện mục*” của *Truyện Kiều*. Đây thực là một điều may mắn và nếu có sự nhuận sắc thì việc đóng góp của người sau cũng chỉ ước mong làm cho *Truyện Kiều* được hay hơn.

Nhưng vì *Truyện Kiều* đã quá hay rồi, đã được coi là “*tuyệt diệu từ*” rồi, không cần phải nhuận sắc nữa nên mới không bị rơi vào tình cảnh của truyện *Hoa tiên* và truyện *Lục Vân Tiên* vì sự nhuận sắc đã làm sai hẵn nguyên tác của Nguyễn Huy Tụ⁽⁸⁾ và của Nguyễn Đình Chiểu⁽⁹⁾.

Điều này đã chứng tỏ cho chúng ta thấy được giá trị đích thực của các bản *Kiều* chữ *nôm*, tuy do nhiều nhà tàng bản nhưng giữa các bản *nôm* ấy đã không có mấy sự khác biệt, kể cả so với các bản quốc ngữ. Có thể nói các sự khác biệt ấy chỉ là sự “*thôi xao*”.

Và *Truyện Kiều* lại cũng lý thú hơn vì có những “*thôi xao*” ấy để mọi người cùng tham gia thảo luận một cách tao nhã.

Chú thích:

- (1) Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị
NXB Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. 2002
- (2) Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị
NXB Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. 2003
- (3) Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị
NXB Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. 2004
- (4) Kim Vân Kiều tân truyện – Abel des Michels phiên âm, chú thích và dịch sang Pháp ngữ. Paris 1884 – 1885.
Abel des Milchels tốt nghiệp bác sĩ Y khoa từ năm 1857, đã ra hành nghề mấy năm nhưng rồi quay sang học chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Việt đã trở thành một giáo sư dạy tiếng Việt tại trường sinh ngữ Đông phương ở Paris từ năm 1872 đến năm 1892.
- (5) NXB Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học in năm 2004
- (6) *Kim Vân Kiều tân chuyện*. Dáo học Ngô-Đê-Mân chúng đính. Hà Nội – 1897.
- (7) *Kim Túy tình từ*. Phạm Kim Chi phiên âm. Nhà in Huỳnh Kim Danh. Sài Gòn 1917.
- (8) Nguyễn Thiện khi nhuận sắc *Truyện Hoa tiên* đã làm khác hẳn nguyên tác của Nguyễn Huy Tụ.
- (9) Ở miền Nam, bản *Lục Vân Tiên* do Trương Vĩnh Ký phiên âm đã khác nhiều đoạn so với bản *Lục Vân Tiên* do Duy Minh Thị cho khắc in bằng chữ *nôm*. Nếu so hai bản miền Nam với các bản in ở miền Bắc thì sự khác biệt còn nhiều hơn nữa, có đoạn địa ngăn chênh lệch nhau đến mấy chục câu.